

# Biên độ những đối nghịch tác giả, văn bản và nghệ thuật trữ tình thơ Nôm Hồ Xuân Hương

Nguyễn Hữu Sơn\*

Nhận ngày 8 tháng 9 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 1 năm 2023.

**Tóm tắt:** Việc sưu tầm, khai thác tư liệu và nghiên cứu về Hồ Xuân Hương đã, đang và chưa thấy có hồi kết. Bài viết hệ thống hóa các nguồn tư liệu và kết quả nghiên cứu điển hình nhất về đời và thơ Hồ Xuân Hương. Tập trung xác định những đối nghịch về năm sinh, cuộc đời tác giả, sự đối nghịch hai thực thể văn bản thơ chữ Nôm và chữ Hán, tập thơ *Lưu hương ký* và phần còn lại, tương quan thơ chữ Nôm trong tập *Lưu hương ký* và *Thơ Nôm truyền tụng*. Nhấn mạnh ba phương diện chính thể hiện sự đối nghịch trong quan niệm tư duy nghệ thuật ở các tác phẩm thuộc dòng thơ Nôm truyền tụng của Hồ Xuân Hương: cái tôi cao cả và bé nhỏ; ảo vọng sức mạnh giới nữ và mặc cảm vô thức; cái thiêng và giải thiêng.

**Từ khóa:** Hồ Xuân Hương, Thơ Nôm truyền tụng, Lưu hương ký.

**Phân loại ngành:** Văn học

**Abstract:** The collection, exploitation of documents and research on Hồ Xuân Hương has not yet come to an end. The article systematizes the most typical sources and research results, especially about the life and poetry of Hồ Xuân Hương. Focusing on identifying the contradictions about the year of birth, the author's life, the contrast between the two entities of the Nom and Han poetry texts, the collection of poems *Lưu hương ký*. The rest is all about the correlation of the poems in Nom characters, in the collection *Lưu hương ký*. and *Thơ Nôm truyền tụng*. The author emphasizes three main aspects showing the contrast in artistic thinking in the works of Hồ Xuân Hương's traditional Nom poetry: The big and small ego - The illusion of female power and the unconscious feeling - Sacred and de-sacred.

**Keywords:** Hồ Xuân Hương, Thơ Nôm truyền tụng, Lưu hương ký.

**Subject classification:** Literature

## 1. Dẫn nhập

Bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương (1772-1822) là hiện tượng tác giả độc đáo, được xem là “độc nhất vô nhị”, không chỉ ở thế kỷ bản lẻ XVIII-XIX mà xét trong toàn bộ tiến trình lịch sử văn chương bác học cổ kim, không chỉ ở Việt Nam mà cả ở phương Đông và còn được Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp Quốc (UNESCO) vinh danh trên toàn thế giới. Bà có tên tuổi, có quê hương bản quán, có thể thứ gia tộc sáng rõ mà cuộc đời hóa thân chìm nổi với bao nhiêu giả thiết hư ảo. Bà có sáng tác cả thơ chữ Hán và chữ Nôm nhưng văn bản xê dịch giữa đôi dòng, khi nghiêng về Nôm, khi nghiêng về Hán, vừa hòa hợp, đan xen vừa phân tách, loại trừ nhau. Với bộ phận thơ Nôm làm nên dòng chủ lưu và giá trị văn hóa vững bền, Hồ Xuân Hương đã tạo nên những phức hợp nội dung trữ tình và nghệ thuật Đường thi “đổ tục giảng thanh” độc đáo, có ý nghĩa vượt mọi khoảng cách thời gian và không gian.

Từ trước đến nay, giới nghiên cứu đã tập trung khảo sát chuyên sâu về nữ sĩ Hồ Xuân Hương trên cả ba phương diện (tác giả, văn bản, nội dung và nghệ thuật tác phẩm). Từ thế kỷ XX đến nay có thể điểm danh các nhà nghiên cứu về thơ Hồ Xuân Hương tiêu biểu cả trong nước và nước ngoài như Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Văn Hanh, M. Durand, Trần Thanh Mại, N.I. Niculin,

\* Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
Email: lavson1059@gmail.com

Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Lộc, Đào Thái Tôn, Nhan Bảo, Đỗ Lai Thúy, Kiều Thu Hoạch... Về cơ bản, nhiều câu hỏi lớn về tiểu sử, văn bản (thơ chữ Hán và chữ Nôm), riêng trong bộ phận thơ Nôm lại chia ra dòng thơ Nôm khắc in và thơ Nôm truyền tụng, lại vẫn chưa có câu trả lời xác đáng. Bài viết tập trung điểm danh những tác giả và công trình khảo sát văn bản và nghiên cứu chuyên sâu trường hợp thơ Hồ Xuân Hương, vừa bao quát tiến trình tiếp nhận, thực hiện tổng kết “nghiên cứu sự nghiên cứu”, đồng thời với việc phân tích, phân loại và xác định kết quả các định hướng nghiên cứu. Cần chú ý thêm, cả ba phương diện trên (tác giả, văn bản, nội dung và nghệ thuật tác phẩm) vừa có tính độc lập vừa tương tác, chi phối, soi sáng lẫn nhau, lại vừa tạo nên những khác biệt và đối nghịch, thậm chí có nhiều nguồn tư liệu, nhiều chi tiết mâu thuẫn, phủ nhận lẫn nhau.

## 2. Biên độ những đối nghịch về tiểu sử Hồ Xuân Hương

Trước hết, tác giả Hồ Xuân Hương vừa có một tiểu sử rõ ràng lại vừa được “bao phủ màn sương” truyền thuyết, dân gian hóa, huyền thoại hóa và bản địa hóa theo nhiều địa phương và nhiều khoảng thời gian khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau.

Theo định hướng chuẩn hóa tiểu sử, hành trạng, sự tích cuộc đời nữ sĩ Hồ Xuân Hương trong kiểu truyện danh nhân *Giai nhân di mặc (sự tích và thơ từ Hồ Xuân Hương)*, nhà Hán học Đông Châu Nguyễn Hữu Tiên (1875-1941) đã phác thảo: cha họ Hồ (nguyên gốc Nghệ An), mẹ họ Hà - sinh ở phường Khán Xuân (Thăng Long) lấy cai tổng Cóc - tổng Cóc thua bạc rồi qua đời - đó chữ chú Khách và họa thơ với Chiêu Hồ (sau này Nguyễn Hữu Tiên còn có dịp bàn lại mối quan hệ Chiêu Hồ - Hồ Xuân Hương) (Nguyễn Hữu Tiên, 1916: 6-40). Làm thơ giễu thầy khóa, bôn bà lang khóc chồng (Giễu quan cử võ, quan Thi); du ngoạn, văng cảnh chùa và làm thơ giễu sư - Làm lễ quan phủ Vĩnh Tường và sinh con trai - Ông phủ qua đời - Xuân Hương thủ tiết thờ chồng, nuôi con (Nguyễn Hữu Tiên, 1919: 109-114)... Mức độ hàn lâm, chính thống, chuẩn hóa, phổ cập trong nhà trường và xã hội về cuộc đời nữ sĩ Hồ Xuân Hương cũng được nhà giáo Dương Quảng Hàm (1898-1946) ghi lại trong bộ sách giáo khoa nổi tiếng *Việt Nam văn học sử yếu*: “Hồ Xuân Hương: con Hồ Phi Diễn, quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, xứ Nghệ An và một người thiếp quê ở Hải Dương. Bà ở vào khoảng Lê mạt Nguyễn sơ” (Dương Quảng Hàm, 1943: 387)...

Tiếp sau nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về tiểu sử Hồ Xuân Hương của Văn Tân, Hồ Tuấn Niêm, Trần Thanh Mai, Đào Thái Tôn,... tới học giả Hoàng Xuân Hãn đã xác nhận: “Đến điều Hồ Phi Diễn sinh Hồ Xuân Hương, thì bút chứng còn đâu? Theo Hồ Tuấn Niêm (N2: 27) (Hồ Tuấn Niêm, 1972: 27), hiện nay chỉ còn thấy trong phổ số 1 bằng Hán văn<sup>1</sup> và số 6 bằng quốc âm<sup>2</sup> (bởi Hồ Sĩ Văn trước năm 1949) đều có viết: 丕演生女春香於看春坊 (Phi Diễn sinh gái Xuân Hương tại Khán Xuân phường)” (Hoàng Xuân Hãn, 1983: 110)... Sau khi dẫn giải vấn đề cội nguồn họ Hồ ở Quỳnh Lưu và trên cơ sở khảo sát 6 bản gia phả họ Hồ, Hoàng Xuân Hãn tập trung lập phổ hệ chi họ Hồ làng Quỳnh Đôi, khởi từ Hồ Sĩ Anh (1618-?) đến người đương thời là Cử nhân Hồ Phi Huyền (Thông, 1879-1930), trong đó xác định thế thứ Hồ Phi Diễn (1703-1786) là cha Hồ Xuân Hương (1772-1822) với ít nhiều dè dặt: “Vậy mới xét qua, ta cũng có thể đoán chừng rằng Nàng sinh vào khoảng 1770, khi Phi Diễn gần 70 tuổi. Đó không là vô lý. Cho nên ta có thể hẳn lòng nhận sự Phi Diễn là cha Hồ Xuân Hương” (Hoàng Xuân Hãn, 1983: 112)... Từ đây, vấn đề dòng tộc, quê quán, năm sinh, năm mất của Hồ Xuân Hương xem như căn bản đã được giải quyết.

Trên thực tế, đồng thời với bằng cứ thư tịch và nhận thức khái lược về tiểu sử Hồ Xuân Hương như trên vẫn còn nhiều chi lưu, nhiều truyền thuyết, giả định khác về nhân thân nữ sĩ và cho rằng việc xác định tiểu sử cuộc đời Hồ Xuân Hương vẫn là “cuộc tìm kiếm giữa màn sương huyền thoại” (Vương Trí Nhàn), “Có nữ sĩ Hồ Xuân Hương hay không?” (Hồng Tú Hồng), “Có chăng

<sup>1</sup> Xem 胡宗世譜 *Hồ tôn (tông) thế phổ* (tác giả Nguyễn Hữu Sơn dẫn chú).

<sup>2</sup> Xem *Hồ tộc tông thứ phổ ký* 胡族宗次譜記 (tác giả Nguyễn Hữu Sơn dẫn chú).

một bà Hồ Xuân Hương?” (Lữ Hồ), “Thử tìm tên thật của Hồ Xuân Hương” (Nam Trân), “Hồ Xuân Hương có quan hệ họ hàng gì với Nguyễn Huệ không?” (Đào Thái Tôn), “Hồ Xuân Hương có thực không và nàng lấy ai?” (Lê Xuân Sơn), “Phần mộ nữ sĩ Hồ Xuân Hương ở đâu?” (Ngô Cường), “Hồ Xuân Hương sinh vào khoảng giữa thế kỷ XVIII hay đầu thế kỷ XIX?” (Trần Tường), “Có một Hồ Xuân Hương khác” (Nguyễn Hữu Sơn, Vũ Thanh, 2007: 17-29)... Có thể nói đây là vấn đề “mở”, tư liệu ngày càng phong phú, song trước sau vẫn “đi vào ngõ cụt đầy sương mù” và cũng là điều kiện cho việc nảy sinh nhiều giai thoại, truyền thuyết, dã sử liên quan đến đời và thơ Hồ Xuân Hương...

Trong tình hình tư liệu hiện nay, bên cạnh những thông tin được coi là chính chuẩn về cuộc đời của nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822) (theo Dương Quảng Hàm, Trương Tửu, Văn Tân, Thanh Lãng, Hồ Tuấn Niêm, Nguyễn Lộc, Hoàng Xuân Hãn,...), có thể kiểm kê xem còn có bao nhiêu những giả thiết khác biệt, đối nghịch về năm sinh, năm mất, quê quán, hành trạng cuộc đời và sự nghiệp thơ văn được xem là của Hồ Xuân Hương:

- Có một Hồ Xuân Hương sinh khoảng 1735-1739. Bà này đáng bậc tuổi bà, tuổi mẹ Phạm Đình Hồ (1768-1839) nên không có chuyện bõn cọt với nhau được (Siêu Hải, 1991, tr.70-73)...

- Có một Hồ Xuân Hương cũng sinh khoảng năm 1770, nhưng là con của Hồ Sĩ Danh (1706-1783), người anh em họ của Hồ Phi Diễn (theo Trần Thanh Mai, Đào Thái Tôn) (Trần Thanh Mai, 1964: 58-64)...

- Có một Hồ Xuân Hương sinh khoảng năm 1770-1772, từng là bạn tình của các ông: Nguyễn Du (1765-1820), Tôn Phong Thị, Mai Sơn Phủ, Hiệp trấn Sơn Nam thượng họ Trần (Ngọc Quán), Hiệp trấn Sơn Nam hạ họ Trần (?), có thơ bõn cọt với Chiêu Hồ (Phạm Đình Hồ) và là vợ Tham hiệp Yên Quảng Trần Phúc Hiến (?-1819) (Hoàng Xuân Hãn, 1983: 92-99)...

- Có một Hồ Xuân Hương là vợ kẻ cử nhân Phạm Viết Đại (1802-1842). Ông này từng làm quan ở các tỉnh Thanh Hoá, Ninh Bình, Sơn Tây và có làm Tri phủ Vĩnh Tường (Trần Tường, 1974: 67-68)...

- Có thể Hồ Xuân Hương còn từng lấy tông Cóc hoặc làm vợ lẽ một ông phủ Vĩnh Tường nào khác và có một Hồ Xuân Hương có quan hệ với Cao Bá Quát (1809-1855), “một tài nữ và một tài tử của Thăng Long” (Bùi Hạnh Cận, 1987, tr.12; Nguyễn Hữu Sơn, 1987: 12-14)...

- Có một Hồ Xuân Hương qua đời khoảng năm 1822, hoặc năm 1833, trước khi Tùng Thiện Vương Miên Thẩm làm thơ (1842) đã nhắc đến nấm mộ tài nữ Xuân Hương. Theo *Xuân đường đàm thoại*, có một Hồ Xuân Hương mất năm Kỷ Ty, Tỵ Đức thứ 22 (1869) (Trần Tường, 1974: 130-138)...

- Có một “cô Hồ Xuân Hương có tiếng hay Nôm, đời Minh Mệnh (1820-1840) có *Tập thơ Hồ Xuân Hương*” (Kiều Thu Hoạch, 2022: 53), v.v...

Có sự không thống nhất như trên, thậm chí đẩy đến những cực đối nghịch nhau về thời gian sinh (cách nhau xấp xỉ trăm năm, dao động từ 1735 đến khoảng nửa đầu thế kỷ XIX), không gian sinh sống (Nghệ An, Hà Nội, Hà Nam, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Ninh Bình, Thanh Hóa...) và các sự kiện liên quan đến tiểu sử Hồ Xuân Hương là do những nguồn tư liệu khoa học đáng tin cậy (tư liệu đương thời, thư tịch Hán Nôm, gia phả) chưa được quan tâm và xác định đúng mức. Thêm nữa, theo quy luật chung, các nhân vật lịch sử, danh nhân, người nổi tiếng vẫn thường được dân gian hóa, truyền thuyết hóa theo nhiều cung cách khác nhau. Với hiện tượng tác giả và kiểu thơ độc đáo Hồ Xuân Hương càng dễ có chuyển hóa, dân tục hóa, tiểu lâm hóa, giai thoại hóa và “hóa thân” theo xu thế bản địa hóa thành nhiều mẫu hình tác giả Hồ Xuân Hương, vừa có khả năng hư cấu, đắp bồi “mặt nạ tác giả”, kể cả thâm nạp thêm thơ giễu nhại của các Nho lão “bên lề”, đồ làng, chủ ý tạo nên phương thức tồn tại “óc mượn hồn”, vừa “đối phó với cấm kỵ” vừa nhằm “xây dựng hình ảnh” và tôn vinh nữ sĩ Hồ Xuân Hương...

### 3. Những đối nghịch văn bản thơ Hồ Xuân Hương

Thực tế những đối nghịch trầm tích trong tiểu sử tác giả khiến cho việc nghiên cứu văn bản thơ Hồ Xuân Hương gặp nhiều thách thức khó khăn. Nhìn chung, qua hơn một thế kỷ kiếm tìm, kết quả cuối cùng rồi lại có chiều hướng xoay tròn trở về điểm khởi đầu với nhận định: Hồ Xuân Hương căn bản là tác giả của dòng thơ Nôm truyền tụng, trong khi bộ phận thơ chữ Hán được sưu tầm, công bố sau này lại chưa đáng in cậy (Phạm Văn Ánh, 2008: 61-75)...

Trên phương diện văn bản học, người đọc chú trọng tiếp nhận nhiều hơn các bài thơ Nôm truyền tụng vốn đóng vai trò kếp, vừa là thành tố cơ hữu tạo dựng nhân vật Hồ Xuân Hương vừa là bộ phận có ý nghĩa “tàng trữ giá trị thi ca” trong *Giai nhân di mặc*. Trong truyện ký này, Nguyễn Hữu Tiên đã đưa vào 42 bài thơ Nôm, ba đôi câu thơ ứng khẩu, một đôi câu đối, hai vế đối của chính Hồ Xuân Hương; ba bài thơ Nôm, một đôi câu thơ ứng khẩu qua thư, một đôi câu đối và một vế đối của Chiêu Hồ; một đôi câu thơ ứng khẩu của vị sư nam; hai bài thơ Nôm của hai văn nhân; một bài ca dao và một bài ca khuyết danh phác họa chân dung Hồ Xuân Hương... Tuy nhiên, trong *Giai nhân di mặc*, nói riêng về bộ phận thơ Nôm Hồ Xuân Hương, chúng tôi thấy thiếu khuyết một số bài quen thuộc như *Hỏi trăng*, *Vịnh cái quạt*,... trong khi lại xuất hiện loại bài in đậm sắc thái tục như *Ông cử võ*... Nhìn chung, số lượng và chủng loại thơ Hồ Xuân Hương được tàng trữ, trích tuyền, tích hợp trong *Giai nhân di mặc* tương đối phù hợp với tình hình văn bản thơ Hồ Xuân Hương truyền tụng từ trước đến nay. Điều cần lưu ý là toàn bộ số lượng thơ Hồ Xuân Hương trong *Giai nhân di mặc* đều là chữ Nôm, không có một bài thơ chữ Hán nào như các nguồn văn bản khác thêm thắt. Những kết quả nghiên cứu văn bản mới nhất đầu thế kỷ XXI cũng xác định nguồn thơ Hồ Xuân Hương căn bản là thơ Nôm, thuộc dòng thơ truyền tụng và cũng căn bản thống nhất với số lượng bài mà Nguyễn Hữu Tiên dẫn giải trong *Giai nhân di mặc*...

Vấn đề văn bản thơ Hồ Xuân Hương đặc biệt trở nên phức tạp khi Trần Thanh Mại (1911-1965) công bố phát hiện văn bản *Lưu hương ký* (có bài tựa của Tôn Phong Thị và 24 bài thơ chữ Hán, 28 bài chữ Nôm). Mặc dù theo định hướng tư tưởng xã hội tân tiến, Trần Thanh Mại thuận tình “thanh lọc” thơ Hồ Xuân Hương chỉ gồm “sổ thơ lành mạnh, tiến bộ”, nhưng trên dự cảm khoa học và thị hiếu thẩm mỹ, ông cảm thấy phân thân như câu chuyện người khóc nhằm trước trước mộ (Đào Thái Tôn, 1993: 44-76)... Trên căn bản tình hình tư liệu giai đoạn này, nhà nghiên cứu Nguyễn Lộc xác lập thơ Hồ Xuân Hương chính chuẩn với 46 bài thơ Nôm và phần Phụ lục có 22 bài (gồm 9 bài thơ Nôm truyền tụng thứ cấp và 12 bài cả Hán và Nôm trích từ *Lưu hương ký* cùng bài tựa của Nham Giác Phu Tôn Phong Thị) (Nguyễn Lộc, 1982: 1-180). Đối nghịch trở lại, Đào Thái Tôn (1942-2011) xác định nhập *Lưu hương ký*, các bài thơ chữ Hán và một phần thơ Nôm vào mục *Thơ chữ Nôm, chữ Hán của Hồ Xuân Hương* (cộng 23 bài), được hiểu như phần chính văn kèm lời dẫn giải cụ thể: “Trong phần này, ngoài những bài thơ chữ Nôm, chữ Hán trong *Lưu hương ký*, chúng tôi tuyển chọn một số bài thơ có liên quan tới văn bản hoặc thuộc dòng mạch thơ *Lưu hương ký*. Ngoài ra, là năm bài thơ Hồ Xuân Hương đề vịnh cảnh Hạ Long mà gần ba chục năm qua giới nghiên cứu xem như một tồn nghi” (Đào Thái Tôn, 1978: 78); còn lại có mục *Thơ Nôm truyền tụng* (cộng 25 bài) và phần *Phụ lục* (28 bài)...

Cũng trên phương diện văn bản học, theo khảo tả của Hoàng Xuân Hãn, phần thơ Nôm truyền tụng của Hồ Xuân Hương thu thập trước 1893 (năm Antony Landes mất - người có công thuê chép các sách Hán Nôm), được tập hợp trong *Xuân Hương thi* gồm *Phần A* (13 bài), *Phần B* (18 bài), *Phần C* (46 bài, góp làm 40 tiểu mục), cộng chung 77 bài (Hoàng Xuân Hãn, 1983: 92-249)... Cũng theo Hoàng Xuân Hãn, thơ truyền tụng của Hồ Xuân Hương trong *Quốc âm thi tuyển* (chữ Nôm và Quốc ngữ, khắc in năm 1909 và 1914) có tổng số 27 bài. Gần cận về thời gian, theo *Hồ Xuân Hương thi tập* do Xuân Lan phiên âm, xuất bản (nhà in Văn Minh Nguyễn Ngọc Xuân, Hà Nội - Hải Phòng, 1913), xác định tổng số có 62 bài thơ Nôm và một đôi câu đối với Chiêu Hồ... Tổng kết lại, Hoàng Xuân Hãn ghi nhận thì có khoảng 150 bài thơ chữ Hán và Nôm (từ các nguồn

thư tịch chữ Hán và Quốc ngữ và được văn bản hóa trước 1945), xác định sự khác biệt giữa thơ trong tập *Lưu hương ký* với thơ Nôm truyền tụng và ngẫu tạo, từ đó nhấn mạnh đặc tính sự đối nghịch các loại văn bản và đề xuất hướng giải quyết: “Muốn nói gọn gàng, tôi sẽ gọi loại thơ Nôm thấy trong sách báo trong gần một trăm năm nay dưới đề “Thơ Hồ Xuân Hương” bằng “thơ truyền thuyết”, còn các thơ Nôm có bút tích xưa hơn, cũng dưới đề ấy, là “thơ Lưu hương”, tuy rằng có thể còn có thơ loại ấy ngoài văn bản *Lưu hương ký* tồn tại. Những câu hỏi cốt thiết phải đặt ra là: 1) Những thơ truyền tụng có thực của Xuân Hương không?; 2) Nếu không thì có phần nào là của Xuân Hương không?; 3) Có phương pháp gì và lấy chứng gì để phân tách lựa lọc?” (Hoàng Xuân Hãn, 1983: 130)... Đến phần VI - *Lời tóm tắt và kết luận*, Hoàng Xuân Hãn tổng kết, nhấn mạnh yêu cầu cần xây dựng một bộ văn bản *Xuân Hương thi thoại* chuẩn xác và đưa ra giải pháp về việc cần loại bỏ các bài “không hợp với thời gian hoặc không gian của Xuân Hương” (như các bài *Khóc ông phủ Vĩnh Tường, Hang Thánh Hóa, Hang Cốc Cờ, Chùa Hương Tích, Chợ Trời*), loại bài “có những lời rõ ràng là của đàn ông” (*Dạy trẻ con, Nhân cư*), loại những bài trùng lặp với thơ Lê Thánh Tông và *Hồng Đức quốc âm thi tập*, Bà Huyện Thanh Quan và tác giả dân gian (*Đánh đu, Thằng mõ, Bỏ nhìn*)” (Hoàng Xuân Hãn, 1983: 147-148)... Đương thời, nhà nghiên cứu Nguyễn Lộc từng xác định: “Cho nên không nghi ngờ gì cả, thơ Hồ Xuân Hương nhiều hoặc ít đã bị “nhuận sắc”, thêm bớt, mô phỏng, bắt chước” và nhấn mạnh: “Chúng tôi không theo thuyết của ông Trần Thanh Mại, vì bản thân tác phẩm *Lưu hương ký* chúng tôi còn phân vân”, nên phần tiêu sử Hồ Xuân Hương đi liền với *Lưu hương ký* chưa thể sử dụng được” (Nguyễn Lộc, 1982: 5, 6, 9), sau đó dựa theo ước đoán chất thơ, bút pháp, phong cách mà định vị thơ Hồ Xuân Hương có trên 46 bài, còn lại xếp vào phần Phụ lục. Hoàng Xuân Hãn có biết chuyện này, có nhắc đến và đánh giá cao công trình văn bản học của Nguyễn Lộc. Tiếp theo, học giả Nhan Bảo thống kê, tổng kết, xác định: “Cộng lại là 213 bài, trong đó có một số bài trùng và một bài chữ Hán” (Nhan Bảo, 2007: 641)...

Rõ ràng học giới đã từng chao đảo trong nhận thức về mối quan hệ giữa hai nguồn văn bản *Lưu hương ký* và thơ Nôm truyền tụng. Có thể coi như một đối nghịch, dù đặt *Lưu hương ký* vào chính văn và dòng thơ Nôm truyền tụng vào phụ lục (và ngược lại) thì trước sau vẫn phải thừa nhận *Lưu hương ký* chỉ xếp loại khá trong mặt bằng thơ ca trung đại<sup>3</sup>, trong khi chính bộ phận thơ Nôm truyền tụng mới làm nên nét đặc sắc chân dung “Bà chúa thơ Nôm”. Trong sách *Thế giới thơ Hồ Xuân Hương* (chủ yếu phục vụ nhà trường), chúng tôi cũng chủ trương phân loại theo phần A - *Thơ Nôm truyền tụng* (tuyển 20 bài) và phần B - *Lưu hương ký* (tuyển 3 bài chữ Nôm và một bài chữ Hán) (Nguyễn Hữu Sơn, 2004: 110). Thêm nữa, ngay trong bộ phận thơ Nôm truyền tụng lại có thể phân chia theo hai khả năng, tạm coi như hai chiều hướng phong cách đối nghịch nhau: loại chuẩn mực, nghệ thuật “thanh - tục” cao cường được coi là của Hồ Xuân Hương và loại thơ thô tục, nhảm nhí, bị coi là gán ghép, nương bóng, mượn hồn, thuộc hiện tượng “mặt nạ tác giả”, không phải thơ Hồ Xuân Hương. Bước sang thế kỷ XXI, nhà Hán học Kiều Thu Hoạch là người đã thực hiện cuộc tổng kết, khảo sát chuyên sâu 10 văn bản thuộc nguồn thư tịch Nôm: *Xuân Hương di cáo - Quốc âm thi tuyển*, bản khắc 1914 (42 bài), *Xuân Hương thi tập*, bản khắc 1921 (42 bài), *Xuân Hương thi tập*, bản khắc 1922 (45 bài), *Xuân Hương thi tập - Quốc văn tùng ký* (46 bài), *Xuân Hương thi sao* (28 bài), *Tạp thảo tập* (29 bài), *Xuân Hương thi tập - Quế Sơn Tam Nguyên thi tập* (22 bài), *Xuân Hương thi vịnh - Bách liêu thi văn tập* (41 bài), *Liệt truyện thi ngâm* (43 bài), *Lĩnh Nam quân hiền văn thi diễn âm tập* (54 bài), cuối cùng xác định danh mục thơ Nôm Hồ Xuân Hương có 79 bài và xếp vào phần Phụ lục thêm 16 bài Nôm tuyển từ *Lưu hương ký* và không chọn bất cứ một bài thơ chữ Hán nào (Kiều Thu Hoạch, 2022: 85-303)... Nhìn chung, các nhà nghiên cứu Hoàng Xuân Hãn, Trần Thanh Mại, Nguyễn Lộc, Đào Thái Tôn, Kiều Thu Hoạch... đều nhấn mạnh thực tế

<sup>3</sup> Riêng Phạm Trọng Chánh cảm nhận: “Thơ Hồ Xuân Hương trong *Lưu Hương ký* hay và hay tuyệt vời, mỗi bài thơ như một viên bích ngọc hoàn hảo không thể đổi một chữ...”. Nguồn: *Đọc Lưu Hương ký* của Hồ Xuân Hương do Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích phiên âm & chú thích... [https://vi.wikipedia.org/wiki/Lưu\\_hương\\_ký](https://vi.wikipedia.org/wiki/Lưu_hương_ký), 27.7.2022...

phồn tạp, hỗn dung giữa thơ chữ Hán và chữ Nôm cũng như trong nội bộ thơ chữ Nôm, nhưng khi xử lý văn bản vẫn có những độ chênh nhất định, thậm chí đối nghịch và loại trừ nhau. Theo chúng tôi, về cơ bản, học giới thiên về khẳng định nguồn văn bản thơ Nôm truyền tụng vốn được đánh giá cao ở trong nước và nước ngoài mới đích thực là sáng tác của Hồ Xuân Hương.

#### 4. Nghệ thuật trữ tình thơ Nôm Hồ Xuân Hương

Nếu như văn bản thơ Hồ Xuân Hương chứa đựng nhiều phức tạp, mâu thuẫn thì quan niệm nghệ thuật, đặc tính trữ tình và chất lượng nghệ thuật các tập thơ, dòng thơ, bài thơ của nữ sĩ cũng cực kỳ phong phú, đa dạng, đối nghịch trong nhau (Nguyễn Hữu Sơn, 1991: 29-35). Có một điểm cần nhấn mạnh trong mục này, chúng tôi giới hạn chỉ khảo sát ba phương diện thể hiện sự đối nghịch trong quan niệm tư duy nghệ thuật ở các tác phẩm thuộc dòng thơ Nôm truyền tụng của Hồ Xuân Hương: Cái tôi cao cả và bé nhỏ - Áo vụng sức mạnh giới nữ và mặc cảm vô thức - Cái thiêng và giải thiêng...

##### 4.1. Cái tôi cao cả và bé nhỏ trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương

Khác biệt với phần lớn thơ ca trung đại thường sử dụng chủ thể ẩn thì thơ Hồ Xuân Hương cất cao tiếng nói con người cá nhân, trình diễn vai trò chủ thể cá nhân trong nhiều cảnh ngộ. Có khi cái “tôi” tác giả đứng cao, đứng trên đối tượng: “Này này chị bảo cho mà biết” (*Trách Chiêu Hồ D*); “Lại đây cho chị dạy làm thơ” (*Lũ ngẩn ngơ*); “Này của Xuân Hương mới quệt rồi” (*Mời trầu*)<sup>4</sup>... Có khi cái “tôi” tác giả dần thân chịu trận, dám làm dám chịu, chấp nhận, bất cần và thách thức số phận: “Thân này đâu đã chịu già tom!” (*Tự tình I*); “Mảnh tình một khối thiếp xin mang” (*Không chồng mà chữa*)... Có khi cái “tôi” tác giả nhập thân, thể thân, quyết đoán trong nhiều hoàn cảnh, thân phận: “Thiếp bén duyên chàng có thế thôi” (*Khóc Tổng Cóc*); “Thân em vừa trắng lại vừa tròn” (*Bánh trôi nước*); “Thân em như quả mít trên cây” (*Quả mít*), v.v... Theo chiều hướng đối nghịch, Hồ Xuân Hương thường khởi nguồn từ ám ảnh về số phận người phụ nữ, những thân phận nhỏ bé, những vật bị sử dụng, những nỗi buồn và tấn bi kịch, những khao khát không được thỏa nguyện... Trong dự cảm sáng tạo của mình, nữ sĩ dễ đồng cảm với những đối tượng tầm thường nhỏ mọn như loại con ốc, quả mít, đồng tiền hoèn, bánh trôi nước, cái quạt, cái giếng. Trong ý thức chiêm nghiệm về bản thân và sự đời, nữ sĩ dễ chạnh lòng ở những cảnh ngộ hẩm hiu, trớ trêu, bất như ý, thậm chí đắng cay, chua chát. Đó là những day dứt buồn thương trong ba bài thơ *Tự tình*; là những khát khao hạnh phúc (*Mời trầu*); là thân phận thiếp mọn hẩm hiu (*Làm lẽ*), nỗi xót xa đến thành phũ phàng của người con gái sa cơ lỡ bước (*Không chồng mà chữa*); là cảnh ngộ những người đàn bà góa bụa; là tiếng khóc những ông tổng Cóc, ông phủ Vĩnh Tường... Có thể thấy trong sự đối nghịch giữa sức mạnh “cái tôi cao cả” với những ám ảnh “thân phận bé nhỏ” thường được chuyển hóa qua “phép thắng lợi tinh thần”. Bản chất là vật bé mọn, bị sử hữu, hóa thân thành vật có sức mạnh, có phẩm chất, thiên về ảo tưởng, điển hình như bài thơ *Bánh trôi nước*: “Thân em vừa trắng lại vừa tròn/ Bày nổi ba chìm với nước non/ Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn/ Mà em vẫn giữ tấm lòng son”...

##### 4.2. Áo vụng sức mạnh giới nữ và mặc cảm vô thức trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương

Đặt trong dòng chảy trào lưu nhân văn thế kỷ XVIII-XIX, thơ Nôm Hồ Xuân Hương đặc biệt đề cao ý thức cá nhân, về đẹp và sức mạnh giới nữ. Ý thức cá nhân được nhấn mạnh ở vị thế con người tự chủ, quyền được sống, được vui hưởng hạnh phúc nam nữ (chẳng hạn trong các bài thơ: *Mời trầu*, *Tranh tố nữ*, *Thiếu nữ ngủ ngày*, *Dệt cửi*, *Đánh đu*, *Đá ông Chồng*, *Bà Chồng*...), trở thành biểu tượng thơ sex, đậm chất sex và được phổ quát hóa, cụ thể hóa: “Hiền nhân quân tử ai là chẳng/ Mỗi gối chồn chân vẫn muốn trèo” (*Đèo Ba Dội*), “Thú vui quên cả niềm lo cũ/ Kia cái điều

<sup>4</sup> Các trích dẫn thơ trong bài đều theo Nguyễn Lộc tuyển chọn và giới thiệu (Nguyễn Lộc, 1982).

ai nó lộn lèo” (*Quán Khánh*)... Cái đẹp của người phụ nữ được tôn vinh, trở thành “một nửa thế giới”, trở nên vĩnh hằng và thách đố thời gian: “Nghìn năm còn mãi cái xuân xanh” (*Tranh tố nữ*). Sức mạnh giới nữ được khẳng định trong sự phản kháng: “Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng/ Chém cha cái kiếp lấy chồng chung” (*Làm lẽ*), ở thế đứng: “Ông non ngựa nọc chằm hoa rữa/ Dê còn buồn sừng húc đậu thưa” (*Măng học trò dốt I*), “Ai về nhắn bảo phương lời tới/ Muốn sống đem vui quét trả đền” (*Măng học trò dốt II*), những ước vọng giả định: “Vị đây đôi phận làm trai được/ Thì sự anh hùng há bấy nhiêu!” (*Đề đền Sầm Nghi Đống*)... Đối nghịch trở lại, phần nhiều thơ Hồ Xuân Hương bộc lộ sâu đậm ám ảnh mặc cảm giới nữ, thường ví mình với những vật bé mọn, vật yếu thế, bị động, bị sử dụng (miếng trầu hôi, bánh trôi nước, quả mít, cái quạt, trống thùng, đồng tiền hoen, con ốc nhồi, không chồng mà chữa, phận làm lẽ) (Nguyễn Hữu Sơn, 2012: 11). Cần nhận ra đằng sau sự sung mãn, tinh nghịch, ỡm ờ, đốp chát, lối nói ngược, hình thức giả định của “phép thắng lợi tinh thần” là nỗi buồn, thân phận bị kịch, cô đơn, vô vọng, buông xuôi: “Trước nghe những tiếng thêm rên rĩ/ Sau giận vì duyên để mồm mòm” (*Tự tình I*), “Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại/ Mảnh tình san sẻ tí con con!” (*Tự tình II*), “Cầm lái mặc ai làm đổ bến/ Dong lèo thầy kẻ rắp xuôi ghềnh/ Ấy ai thăm ván cam lòng vậy/ Ngán nỗi ôm đàn những tập tênh!” (*Tự tình III*)... Ngay đến bài *Đề đền Sầm Nghi Đống* vốn được coi là tiếng nói ngang tàng đầy bản lĩnh của nhà thơ phái đẹp, thì tiền đề của tinh thần khinh mạn viên tướng họ Sầm và ước vọng lưu danh “Thì sự anh hùng há bấy nhiêu” lại vẫn cần một điều kiện giả thiết “Vị đây đôi phận làm trai được”, một tiếng nói trong tiềm thức phủ nhận khả năng của cả giới mình. Rất cần cảm nhận đầy đủ những đối nghịch ảo vọng sức mạnh giới nữ, thiên tính nữ với những tấn bi kịch và mặc cảm vô thức để nhận diện thơ Hồ Xuân Hương trong đúng bối cảnh thời đại, không hiện đại hóa, không nhấn mạnh một chiều.

#### 4.3. Cái thiêng và giải thiêng trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương

Khác biệt với dòng chảy chính thống của nền thơ trung đại mang tính hướng tâm, đề cao cái thiêng, đạo lý phong kiến, ngợi ca vua sáng tôi hiền và phẩm chất tinh thần Nho giáo, thì thơ Nôm Hồ Xuân Hương lại đặt cược vào xu thế ly tâm, giải thiêng, đối phó với cấm kỵ. Bên cạnh ẩn ức, mặc cảm và nỗi ám ảnh về con người nhỏ bé, Hồ Xuân Hương còn chú ý kéo tất cả các bậc vua chúa, quan tướng, anh hùng, quân tử, sĩ tử; các đẳng tu sĩ, sư sãi, sư cụ, bà cô, tiểu, vãi trở về đời sống thường nhật, bản năng. Có thể bắt gặp ở đây tất cả những sự thật đối nghịch với danh vị và vẻ ngoài hào nhoáng của các đẳng bậc: “Chúa dẫu vua yêu một cái này” (*Vịnh cái quạt II*), “Quân tử dùng dăng đi chẳng dứt” (*Thiếu nữ*) và sư sãi chưa dứt lòng trần: “Tu lâu có lẽ lên sư cụ/ Ngát nghèo tòa sen nọ đó mà” (*Sư hổ mang*)... Hồ Xuân Hương kéo ngược những biểu tượng vũ trụ thanh cao, thiên nhiên núi sông “quốc huy” linh thiêng như mặt trăng, chùa Quán Sứ, động Hương Tích, hang Thánh Hóa chùa Thầy, đèo Ba Dội, Quán Khánh, Kẽm Trống,... được nhân hóa trở về cuộc sống phàm trần, ham hố bản năng, tục lụy. Trong cảm quan của nữ sĩ, tất cả tạo hóa, vũ trụ cao xanh như mặt trăng và núi non cũng xao động, rạo rực, hứng tình: “Năm canh lơ lửng chờ ai đó?/ Hay có tình riêng với nước non” (*Hỏi trăng II*), “Gan nghĩa dải ra cùng chị nguyệt/ Khối tình cọ mãi với non sông/ Đá kia còn biết xuân già dặn/ Chả trách người ta lúc trẻ trung!” (*Đá Ông Chồng, Bà Chồng*)... Đặc tính đối nghịch trong cách cảm nhận, hình dung, chiếm lĩnh nghệ thuật về các đối tượng vốn thuộc phạm trù cái cao cả, linh thiêng, cấm kỵ đã được Hồ Xuân Hương hóa giải và truyền vào đó sức sống bản năng con người. Nhà Việt học N.I. Niculin xác định bản chất nhân sinh của hiện tượng thơ Hồ Xuân Hương: “Rõ ràng ở đây cần phải áp dụng một thuật ngữ do M.M. Bakhtin đưa ra: “tiếng cười lưỡng trị”, trong đó có sự chửi mắng và khen ngợi, sự phủ định và khẳng định, sự chết đi và sinh thành đều hòa nhập vào nhau như hai mặt của một quá trình “tái sinh” thông qua sự cười nhạo và hạ thấp, thông qua sự “văng vào bộ phận dưới của cơ thể” (N.I. Niculin, 1969: 394-402; N.I. Niculin, 2000: 191-204)... Có thể nói đặc tính “lưỡng trị” và đối nghịch trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương chính là sự biểu hiện những đặc điểm của nhân vật trữ tình trong thế đối lập và trong tính thống nhất, dựa trên một quan niệm nghệ thuật nhân văn, nhân tính, trào lộng, đậm chất tiểu lâm thanh tục - tục thanh.

## 5. Kết luận

Trên căn bản một Hồ Xuân Hương (1772-1822) đích thực nhưng rồi đã được cả giới trí thức và bình dân cùng phù phép thành những đối nghịch năm sinh cách nhau xấp xỉ cả thế kỷ, vừa truyền thuyết hóa vừa bản địa hóa thành nhiều mẫu hình nữ sĩ Hồ Xuân Hương khác nhau. Gắn với những mảnh đời Hồ Xuân Hương khác nhau là sự chấp nối những kiểu văn bản đối nghịch nhau, tương thế này lại hóa thế khác, xác định hệ thống thơ Nôm chuẩn mực rồi lại phát hiện thêm *Lưu hương ký*, rồi lại trở về dòng thơ Nôm truyền tụng. Trên tất cả, chỉ có dòng thơ Nôm truyền tụng mới thực sự làm nên đặc sắc nghệ thuật thơ ca và tên tuổi Hồ Xuân Hương ở cả trong nước và trên thế giới, cả hôm qua, hôm nay và mai sau.

### Tài liệu tham khảo

- Bùi Hạnh Cẩn. (1987). Về mối quan hệ giữa Cao Bá Quát và Hồ Xuân Hương”. *Người Hà Nội*. Số 42+43.
- Đào Thái Tôn. (1978). Xuân đường đàm thoại - một nhịp nối trong tiến trình dân gian hóa thơ Hồ Xuân Hương. *Văn học*. Số 6 (174).
- Đào Thái Tôn. (1993). *Thơ Hồ Xuân Hương - Từ cội nguồn vào thế tục*. Nxb. Giáo dục.
- Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến. (1916-1917). *Giai nhân di mặc (Sự tích và thơ từ Xuân Hương)*, 2 quyển. Đông Kinh ấn quán (Imprimerie Tonkinoise). Nxb. Hà Nội.
- Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến. (1919). “Chiêu Hồ và Hồ Xuân Hương”. *Nam phong Tạp chí*. số 20.
- Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến. (2018). *Giai nhân di mặc (Sự tích và thơ từ Hồ Xuân Hương)* (Nguyễn Hữu Sơn sưu tầm, giới thiệu). Nxb. Tri thức.
- Dương Quảng Hàm. (1943). *Việt Nam văn học sử yếu*. Nha Học chính Đông Pháp xuất bản.
- Hồ Tuấn Niêm. (1972). Bàn lại một đôi điều về tiểu sử Hồ Xuân Hương. *Văn học*. Số 1 (133).
- Hoàng Xuân Hãn. (1983). Hồ Xuân Hương với vịnh Hạ Long (Phụ: Về tình sử và thơ văn Hồ Xuân Hương). Tập san *Khoa học xã hội*. Số 10+11.
- Kiều Thu Hoạch. (2022). *Thơ Nôm Hồ Xuân Hương* (Tái bản có sửa chữa và bổ sung). Nxb. Khoa học xã hội.
- N.I. Niculin. (1969). Về thơ Hồ Xuân Hương. *Những vấn đề lý luận văn học phương Đông* (Tiếng Nga). Nxb. Khoa học.
- N.I. Niculin (2000). Thơ Hồ Xuân Hương (Triều Dương dịch). *Văn học Việt Nam và giao lưu quốc tế* (Nguyễn Hữu Sơn tuyển chọn và giới thiệu). Nxb Giáo dục.
- Nguyễn Hữu Sơn. (1987). Bàn thêm về quan hệ giữa Cao Bá Quát - Hồ Xuân Hương”. *Người Hà Nội*. Số 81+82.
- Nguyễn Hữu Sơn. (1991). Tâm lý sáng tạo trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương”. *Văn học*. Số 2 (248).
- Nguyễn Hữu Sơn. (2012). Bài thơ *Lấy chồng chung* và nỗi niềm Hồ Xuân Hương. *Người Hà Nội*. Số 43.
- Nguyễn Hữu Sơn. (biên soạn, 2004). *Thế giới thơ Hồ Xuân Hương*. Nxb. Trẻ - Hội Nghiên cứu và giảng dạy văn học Tp. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Hữu Sơn, Vũ Thanh. (2007). Sức sống thơ Hồ Xuân Hương và việc tiếp nhận”. in trong *Hồ Xuân Hương - Về tác gia và tác phẩm* (Nguyễn Hữu Sơn và Vũ Thanh tuyển chọn, giới thiệu). Nxb. Giáo dục.
- Nguyễn Lộc. (tuyển chọn và giới thiệu) (1982). *Thơ Hồ Xuân Hương*. Nxb. Văn học.
- Nhan Bảo. (2005). Đôi điều về hiện tượng Hồ Xuân Hương. *Hồ Xuân Hương - Về tác gia và tác phẩm* (Nguyễn Hữu Sơn và Vũ Thanh tuyển chọn, giới thiệu). Nxb. Giáo dục
- Phạm Văn Ánh. (2008). Một số hiện tượng bất thường trong văn bản *Lưu hương ký*. *Văn học*. Số 11 (441).
- Siêu Hải. (1991). Về mối quan hệ giữa Hồ Xuân Hương và Phạm Đình Hổ (Qua gia phả một dòng họ). *Văn học*, số 5 (251).
- Trần Thanh Mại. (1964). Trở lại vấn đề Hồ Xuân Hương. *Văn học*. Số 10 (58).
- Trần Tường. (1974 a). Hồ Xuân Hương sinh vào khoảng giữa thế kỷ XVIII hay đầu thế kỷ XIX?. *Sáng tác Nam Hà*. số xuân Giáp Dần.
- Trần Tường . (1974 b). Một số tư liệu mới tìm thấy về Hồ Xuân Hương. *Văn học*. Số 3 (147).